

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN
Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)

1. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần

TT	Họ tên giảng viên	Học hàm/Học vị	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác	Địa điểm làm việc
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Thạc sĩ	0982511699	thuha672@yahoo.com.vn	Khoa LLCT-TLGD	VPK LLCT – TLGD
2	Hà Duy Tá	Thạc sĩ	0932296422	Haduyta@gmail.com	Khoa LLCT-TLGD	VPK LLCT – TLGD
3	Vương Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ	0945334850	vuongthuy178@gmail.com	Khoa LLCT-TLGD	VPK LLCT – TLGD
4	Đào Lan Hương	Tiến sĩ	0919.614.006	lanhuongcdspbn1@gmail.com	Khoa LLCT-TLGD	VPK LLCT – TLGD
5	Nguyễn Thị Hạnh Ngọc	Thạc sĩ	0989663082	hanhngoccdsp@bacninh.edu.vn	Khoa LLCT-TLGD	VPK LLCT – TLGD
6	Vương Thị Thủy	Thạc sĩ	0935.368.486	cdspbnvuongthuy@gmail.com	Khoa LLCT - TLGD	VPK LLCT – TLGD

2.

3. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

- Mã học phần: TL.MN.CS.03 - Số tín chỉ: 4

- Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non - Học bậc: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy/ VLVH/ Liên thông

- Các học phần tiên quyết: Giáo dục học đại cương

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Lí thuyết: 40+ Thực hành: 40+ Sinh viên tự học: 120

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tâm lí giáo dục/ Khoa Lí luận chính trị - Tâm lí giáo dục.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Kiến thức:

- Nhận biết khái niệm cơ bản về nội dung, phương pháp, hình thức, chương trình giáo dục mầm non. Mô tả được cấu trúc chương trình giáo dục mầm non theo hướng đổi mới. Phân tích và phát triển chương trình giáo dục mầm non theo hướng đổi mới trong khuôn khổ từng hoạt động giáo dục và từng giai đoạn độ tuổi.

Liệt kê được đầy đủ 5 nhiệm vụ giáo dục trọng tâm của trường mầm non và nhiệm vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Phát biểu được ý nghĩa của các dạng hoạt động giáo dục đối với sự hình thành và phát triển tâm lí của trẻ mầm non.

Phân tích được sự cần thiết phải chuẩn bị cho trẻ 5- 6 tuổi vào trường Tiểu học. Ghi nhớ sâu sắc nội dung chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học.

3.2. Kỹ năng:

Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế của giáo dục địa phương.

Xây dựng và lựa chọn được hệ thống các biện pháp, phương tiện để thực hiện các nhiệm vụ giáo dục. Biết lồng ghép các nhiệm vụ giáo dục trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Xây dựng kế hoạch tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ ở các độ tuổi khác nhau phù hợp với thực tiễn giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non. Xây dựng môi trường lớp học và kế hoạch thực hiện hoạt động với đồ vật cho trẻ 1-3 tuổi

Phân loại các dạng trò chơi và xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo và kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo. Hệ thống hoá biện pháp để thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục ở trường mầm non phù hợp với vị trí việc làm.

Giải thích các vấn đề liên quan trong thực tiễn giáo dục mầm non cho các đối tượng có liên quan. Xây dựng những định hướng giá trị trong giáo dục nhân cách cho trẻ mầm non theo xu thế và yêu cầu phát triển của giáo dục mầm non từ thực tiễn. Tư vấn cho phụ huynh học sinh về kiến thức – kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ tại gia đình một cách khoa học.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

NL2: Đánh giá được chất lượng trong hoạt động dạy học và giáo dục trẻ mầm non.

4. Chuẩn đầu ra của học phần:

4.1. Kiến thức

KT1. Có khả năng phân tích được các nội dung, phương pháp, hình thức, chương trình giáo dục mầm non và nhiệm vụ giáo dục trọng tâm của trường mầm non, nhiệm vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

KT2. Có khả năng mô tả được cấu trúc chương trình giáo dục mầm non, phát triển chương trình giáo dục mầm non theo hướng đổi mới hiện nay trong hoạt động giáo dục ở từng giai đoạn độ tuổi.

KT3. Phân tích được sự cần thiết và nội dung phải chuẩn bị cho trẻ 5- 6 tuổi vào trường Tiểu học.

KT4. Hiểu về phát triển chương trình giáo dục mầm non theo hướng đổi mới hiện nay trong hoạt động giáo dục ở từng giai đoạn độ tuổi.

4.2. Kỹ năng

4.2.1. Kỹ năng cứng (KNC):

KNC1. Biết xây dựng và phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế của giáo dục địa phương.

KNC2. Xây dựng và lựa chọn được hệ thống các biện pháp, phương tiện để thực hiện các nhiệm vụ giáo dục. Biết lồng ghép các nhiệm vụ giáo dục trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

KNC3. Thực hiện được kế hoạch tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ ở các độ tuổi khác nhau phù hợp với thực tiễn giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non.

KNC4. Xây dựng môi trường lớp học và kế hoạch thực hiện hoạt động với đồ vật cho trẻ 1-3 tuổi. Biết cách phân loại các dạng trò chơi và xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo và kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo.

4.2.2. Kỹ năng mềm (KNM):

KNM1. Giải thích được các vấn đề liên quan trong thực tiễn giáo dục mầm non cho các đối tượng có liên quan. Xây dựng những định hướng giá trị trong giáo dục nhân cách cho trẻ mầm non theo xu thế và yêu cầu phát triển của giáo dục mầm non từ thực tiễn.

KNM2. Tư vấn cho phụ huynh học sinh về kiến thức – kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ tại gia đình một cách khoa học.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

NL1: Thực hiện đúng quy định về đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật và các yêu cầu chuyên môn đối với người học trong nghiên cứu học phần.

NL2: Thể hiện được quan điểm cá nhân về nội dung học tập; chịu trách nhiệm trước giảng viên và nhóm sinh viên về nhiệm vụ học tập được giao.

5. Ma trận liên kết nội dung chương/ mục với chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần		Kiến thức				Kỹ năng		Năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm	
						KNC	KNM		
		1	2	3	4			NL1	NL2
Phần I. Chương 1.Nội	1.1.I. Nội dung giáo dục mầm	x						x	x

dung, phương pháp, hình thức và chương trình giáo dục mầm non	<i>non</i>								
	1.2 Phương pháp giáo dục mầm non	X							X
	1.3. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non	X						X	
	1.4. Chương trình giáo dục mầm non		X		X	X			
Phần I. Chương II: Nhiệm vụ giáo dục ở trường mầm non	I. Giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non	X				X	X	X	
	II. Giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non	X				X		X	
	III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	X				X	X	X	
Phần II: Chương I: Tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ ở trường MN	I. Khái niệm về chế độ sinh hoạt hằng ngày	X				X			
	II. Cơ sở khoa học của chế độ sinh hoạt hằng ngày		X			X	X	X	
	III. Nội dung chế độ sinh hoạt hằng ngày ở trường mầm non và tổ chức thực hiện		X			X	X		X
Phần II. Chương II: Tổ chức HĐ với đồ vật cho trẻ 1-3 tuổi ở trường MN (tiếp)	I. Hoạt động đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ giai đoạn từ 1-3		X			X			
	II. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ở trường mầm non		X			X			X
Phần II. Chương III: Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non	I. Khái niệm hoạt động vui chơi		X						
	II. Các loại trò chơi của trẻ mẫu giáo		X			X			

	<i>III. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo theo hướng đổi mới</i>		X			X			X
Phần II. Chương IV: Tổ chức hoạt động học tập cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non	<i>I. Đặc điểm hoạt động học tập của trẻ mẫu giáo</i>						X		
	<i>II. Dạy học tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo</i>					X			
	<i>III. Tổ chức thực hiện hoạt động học tập tích hợp theo chủ đề</i>					X			X
Phần II. Chương V: Tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non	<i>I. Ý nghĩa của việc tổ chức ngày hội ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non</i>		X						
	<i>II. Tổ chức lễ, hội cho trẻ ở trường mầm non</i>		X			X		X	
	<i>III. Một số gợi ý tổ chức lễ - hội ở trường mầm non</i>								
Phần II. Chương VI: Tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	<i>I. Khái niệm</i>	X							
	<i>II. Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</i>	X							
	<i>III. Nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</i>	X				X			X
	<i>IV. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</i>	X							
	<i>V. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</i>	X					X		
	<i>VI. Hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</i>	X						X	
	<i>VII. Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</i>	X					X		X

Phần II. Chương VII. Chuẩn bị cho trẻ 5 – 6 tuổi vào trường Tiểu học	<i>I. Sự cần thiết phải chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học</i>			X			X	
	<i>II. Nội dung chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học</i>			X			X	X
	<i>III. Biện pháp chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học</i>			X			X	X

6. Các yêu cầu của học phần

- *Yêu cầu đối với sinh viên:*

- + Đọc nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, làm bài tập, đề xuất khi nghe giảng.
- + Chuẩn bị câu hỏi thảo luận; đọc, sưu tầm các tư liệu liên quan đến bài học.
- + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;
- + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

- *Yêu cầu giảng viên:*

- + Nắm vững kiến thức cơ bản của bộ môn được phân công giảng dạy và một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao.
- + Lên kế hoạch xây dựng chương trình học phù hợp đối với sinh viên, nâng cao trình độ kỹ năng chuyên môn để truyền đạt kiến thức tối đa nhất cho sinh viên mình phụ trách.
- + Cập nhật được các tài liệu liên quan, đáp ứng được nhu cầu đào tạo phù hợp thực tiễn và xu thế phát triển.
- + Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học.

7. Nội dung, phương pháp dạy - học

TT	Nội dung	Phương pháp dạy – học	Giờ giảng dạy trên lớp		Giờ sinh viên tự học
			Lí thuyết	Bài tập/ Thực hành/ Thảo luận	
1 - 4	CHƯƠNG I: Nội dung, phương pháp, hình thức và chương trình giáo dục mầm non I. Nội dung giáo dục mầm non 1. Khái niệm 2. Cấu trúc nội dung giáo dục mầm non	<i>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Vấn đáp.</i>	4		

	<p>3. Một số yêu cầu đổi mới trong nội dung giáo dục mầm non</p> <p>II. Phương pháp giáo dục mầm non</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Các phương pháp giáo dục mầm non</p> <p>III. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non</p> <p>1. Dựa vào đối tượng</p> <p>2. Dựa vào mục đích và nội dung</p> <p>3. Dựa vào vị trí, không gian</p> <p>4. Dựa trên đặc điểm, số lượng trẻ tham gia</p> <p>IV. Chương trình giáo dục mầm non</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Cấu trúc chương trình giáo dục mầm non</p> <p>3. Chương trình giáo dục mầm non theo hướng đổi mới</p> <p>4. Chương trình phát sinh trong giáo dục mầm non</p>				
5 - 9	<p>* Thảo luận:</p> <p>- Nội dung:</p> <p>1. Nội dung giáo dục mầm non theo hướng đổi mới</p> <p>2. Tính ưu việt của từng nhóm phương pháp giáo dục</p> <p>3. Thiết kế chương trình giáo dục mầm non</p> <p>- Hình thức: Thảo luận nhóm trên lớp</p>			5	
	<p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Phương pháp giáo dục mầm non</p> <p>2. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục</p>				13
10 - 14	<p>CHƯƠNG II: Nhiệm vụ giáo dục ở trường mầm non</p> <p>I. Giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non</p> <p>1. Khái niệm, ý nghĩa của giáo dục phát triển thể chất.</p> <p>2. Nhiệm vụ, nội dung giáo dục thể chất cho trẻ mầm non</p> <p>3. Phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non</p>	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Vấn đáp	5		

	<p>II. Giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm, ý nghĩa của giáo dục phát triển nhận thức 2. Nhiệm vụ, nội dung giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non 3. Các phương tiện giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non <p>III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 2. Nhiệm vụ, nội dung giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 3. Các phương tiện giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non <p>IV. Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non 2. Nhiệm vụ, nội dung giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non 3. Các phương tiện giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non <p>V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm, ý nghĩa của giáo dục phát triển thẩm mỹ 2. Nhiệm vụ, nội dung giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non 3. Phương tiện giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non 				
15 - 19	<p>Thảo luận:</p> <p>- Nội dung:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. So sánh sự khác nhau cơ bản về nội dung, phương 	Seminar		5	

	<p>pháp giáo dục các mặt giữa trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo.</p> <p>2. Những phương tiện cơ bản để thực hiện các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non</p> <p>3. Cơ sở khoa học để xây dựng các nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non</p>				
	<p>* Tự học của sinh viên</p> <p>1. Hệ thống các phương tiện để thực hiện các nhiệm vụ giáo dục cho trẻ mầm non</p> <p>2. Trả lời câu hỏi có liên quan đến bài học.</p>				15
20	<p>* Kiểm tra thường xuyên lần 1:</p> <p>Kiểm tra nhận thức của sinh viên về các nội dung: Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trong trường mầm non</p>		1		2
21 - 24	<p>Phần II: Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1</p> <p>CHƯƠNG I: Tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>I. Khái niệm về chế độ sinh hoạt hằng ngày</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. ý nghĩa của chế độ sinh hoạt hằng ngày</p> <p>II. Cơ sở khoa học của chế độ sinh hoạt hằng ngày</p> <p>1. Cơ sở về mặt sinh học</p> <p>2. Cơ sở về mặt giáo dục</p> <p>III. Nội dung chế độ sinh hoạt hằng ngày ở trường mầm non và tổ chức thực hiện</p> <p>1. Nội dung</p> <p>2. Tổ chức thực hiện</p>	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Vấn đáp	4		
25 - 27	<p>* Thực hành tại cơ sở GDMN</p> <p>- Nội dung: Tìm hiểu thực tế việc xây dựng chế độ sinh hoạt cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo</p>	Thực tế		3	
	<p>* Tự học của sinh viên: Nội dung chế độ sinh hoạt</p>				11

	hàng ngày của trẻ ở trường mầm non				
28 - 33	<p>CHƯƠNG II: Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ 1 – 3 tuổi ở trường mầm non</p> <p>I. Hoạt động đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ giai đoạn từ 1 – 3</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Ý nghĩa của hoạt động với đồ vật đối với sự phát triển của trẻ.</p> <p>II. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>1. Một số yêu cầu khi tổ chức hoạt động với đồ vật</p> <p>2. Nội dung hoạt động với đồ vật</p> <p>3. Hình thức hoạt động với đồ vật</p> <p>4. Phương pháp tổ chức hướng dẫn hoạt động với đồ vật</p> <p>5. Tiến trình tổ chức hướng dẫn hoạt động với đồ vật</p>	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Vấn đáp	6		
34 - 38	<p>* Thảo luận:</p> <p>- Nội dung:</p> <p>1. Yêu cầu và nội dung hoạt động với đồ vật</p> <p>2. Lập danh sách đồ vật trong lớp theo nhóm trẻ</p>	Thảo luận nhóm		5	
	* Tự học của sinh viên: Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ở trường mầm non				17
39 - 43	<p>CHƯƠNG III: Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non</p> <p>I. Khái niệm hoạt động vui chơi</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Đặc điểm hoạt động vui chơi</p> <p>3. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi</p> <p>3. Mối quan hệ giữa hoạt động vui chơi và các hoạt động giáo dục khác</p>	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Vấn đáp	4		

	<p>II. Các loại trò chơi của trẻ mẫu giáo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trò chơi đóng vai theo chủ đề 2. Trò chơi đóng kịch 3. Trò chơi lắp ghép – xây dựng 4. Trò chơi học tập 5. Trò chơi vận động 6. Các trò chơi dân gian <p>III. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo theo hướng đổi mới</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu khi tổ chức hoạt động vui chơi theo hướng đổi mới 2. Nội dung chơi 3. Hình thức chơi 4. Phương pháp hướng dẫn trẻ chơi 5. Tiến trình tổ chức hướng dẫn chơi 				
	<p>* Kiểm tra định kì lần 1</p> <p>Kiểm tra nhận thức của sinh viên về các nội dung: Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo theo hướng đổi mới</p>	Viết	1		
44 - 48	<p>* Thực hành tại cơ sở GDMN</p> <p>Nội dung: Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo (có thể liên hệ cơ sở giáo dục mầm non để thực hành)</p>	Thực hành		5	
	<p>* Tự học của sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của hoạt động vui chơi - Mối quan hệ hoạt động vui chơi và các hoạt động khác - Phân loại trò chơi 				15
49 - 52	<p>CHƯƠNG IV: Tổ chức hoạt động học tập cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non</p> <p>I. Đặc điểm hoạt động học tập của trẻ mẫu giáo</p>	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề;	4		

	<p>1. Hoạt động học không mang tính bắt buộc</p> <p>2. Nhận thức thông qua hành động</p> <p>3. Hoạt động học diễn ra ở mọi lúc mọi nơi</p> <p>II. Dạy học tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo</p> <p>1. Khái niệm:</p> <p>2. Ý nghĩa của dạy học tích hợp theo chủ đề</p> <p>3. Đặc điểm dạy học tích hợp theo chủ đề</p> <p>III. Tổ chức thực hiện hoạt động học tập tích hợp theo chủ đề</p> <p>1. Yêu cầu định hướng khi tổ chức hoạt động học tập tích hợp theo chủ đề</p> <p>2. Lựa chọn nội dung học tập tích hợp theo chủ đề</p> <p>3. Phương pháp và biện pháp tổ chức hoạt động học tập tích hợp theo chủ đề</p> <p>4. Hình thức học tập tích hợp theo chủ đề</p> <p>5. Tiến trình dạy học hợp theo chủ đề</p> <p>6. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động học tập tích hợp theo chủ đề</p>	Vấn đáp			
53 - 57	<p>* Thực hành tại cơ sở GDMN</p> <p>- Nội dung: Tìm hiểu cách thiết kế mạng nội dung và mạng hoạt động theo các chủ đề cho trẻ theo độ tuổi</p>	Thực hành		5	
	<p>* Tự học của sinh viên: Dạy học tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo.</p>				13
58	<p>* Kiểm tra thường xuyên lần 2</p> <p>- Kiểm tra nhận thức của sinh viên về các nội dung: Nội dung giáo dục, tổ chức các hoạt động vui chơi ở trường mầm non.</p> <p>- Kiểm tra việc vận dụng các kiến thức giáo dục học mầm non vào thiết kế và tổ chức các hoạt động vui chơi ở trường mầm non.</p>		1		2

59 - 61	<p>CHƯƠNG V: Tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>I. Ý nghĩa của việc tổ chức ngày hội ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non.</p> <p>II. Tổ chức lễ, hội cho trẻ ở trường mầm non</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu khi tổ chức ngày lễ, ngày hội 2. Các ngày lễ - hội ở trường mầm non 3. Tổ chức ngày hội ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non <p>III. Một số gợi ý tổ chức lễ - hội ở trường mầm non</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngày tựu trường 2. Tết trung thu 3. Tết nguyên đán 4. Ngày 8 - 3 5. Tết thiếu nhi 6. Lễ bế giảng 	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Vấn đáp	3		
62 - 65	<p>* Thảo luận:</p> <p>- Nội dung: Lập kế hoạch tổ chức ngày tựu trường, tết thiếu nhi cho trẻ mầm non.</p>	Seminar		4	
	<p>* Tự học của sinh viên: Xây dựng kịch bản cho các ngày lễ, hội cho trẻ mầm non trong toàn năm học</p>				10
66 - 68	<p>CHƯƠNG VI: Tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</p> <p>I. Khái niệm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2. Ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non <p>II. Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</p> <p>III. Nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</p> <p>IV. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</p> <p>V. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm</p>	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Vấn đáp	3		

	non VI. Hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non non VII. Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non				
69 - 72	* Thảo luận: - Nội dung: 1. Nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non - Hình thức: Thảo luận trên lớp	Seminar		4	
	* Tự học của sinh viên: Nội dung, hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non				10
73 - 75	CHƯƠNG VII. Chuẩn bị cho trẻ 5 – 6 tuổi vào trường Tiểu học I. Sự cần thiết phải chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học 1. Một số quan điểm về việc chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học 2. Sự cần thiết phải chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học II. Nội dung chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học 1. Chuẩn bị về sức khỏe cho trẻ 2. Chuẩn bị về tâm lí sẵn sàng đi học cho trẻ 3. Chuẩn bị về kỹ năng giao tiếp cho trẻ 4. Rèn luyện một số thói quen cần thiết III. Biện pháp chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học 1. Thông qua việc tổ chức hoạt động vui chơi 2. Thông qua tổ chức hoạt động học theo chủ đề cho trẻ 3. Thông qua tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Vấn đáp	3		

	4. Phối hợp với giữa gia đình – trường MN – trường Tiểu học				
76 - 79	* Thảo luận 1. Sự cần thiết chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học 2. Biện pháp chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học-	Seminar		4	
	* Tự học của sinh viên: Nội dung chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học				10
80	* Kiểm tra định kì lần 2: Công tác chuẩn bị cho trẻ vào trường Tiểu học: Sự cần thiết, nội dung, tư vấn cha mẹ trẻ, biện pháp thực hiện		1		2
Tổng			40	40	120

8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

[1]. Trường CĐSP Bắc Ninh (2014), Tài liệu học tập một số học phần đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non (Phần Giáo dục học mầm non), NXB Giáo dục Việt Nam.

[2]. Nguyễn Thị Hòa (2017), Giáo dục học mầm non, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

b. Tài liệu tham khảo

[3]. TS.Nguyễn Thị Mỹ Lộc, TS.Đinh Thị Kim Thoa, ThS.Phan Thị Thảo Hương (2010), Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non (tài liệu dùng cho giáo viên mầm non), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4]. Lê Bích Ngọc, Modul 39, Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non, Tài liệu 44 modul trong thông tư 36/2011/TT-BGDĐT ngày 17/8/2011 về ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non.

[5]. Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

9. Phương thức kiểm tra, đánh giá điểm học phần

9.1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:

* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm (hệ số 1)
- Kiểm tra định kì: 2 điểm (hệ số 2)
- * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):
 - + Hình thức thi: Vấn đáp
 - + Thời gian thi: Theo quy định

9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

9.3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến **một** chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thương

TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

PHỤ LỤC I.

**MA TRẬN MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)

5. Thời gian đào tạo: 3 năm

Học phần: Giáo dục học mầm non

3. Mã ngành: 51140201

4. Loại hình đào tạo: Chính quy/VLVH/Liên thông

Trưởng bộ môn (Kí, ghi rõ họ và tên): Nguyễn Thị Thu Hà

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Được thể hiện và mô tả trong học phần
1. Phẩm chất	1.1.Yêu quê hương, đất nước	1.1.1	
		1.1.2	
		1.1.3	
		1.1.4	
	1.2.Mến trẻ	1.2.1	x
		1.2.2	x
		1.2.3	x
	1.3.Yêu nghề	1.3.1	x
		1.3.2	x
		1.3.3	x
	1.4.Trung thực	1.4.1	x
		1.4.2	
		1.4.3	x
	1.5.Trách nhiệm	1.5.1	
		1.5.2	x
		1.5.3	x

	1.6.Tự học	1.5.4	
		1.5.5	
		1.6.1	
		1.6.2	
2. Năng lực chung	2.1.Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	1.6.3	x
		2.1.1	
		2.1.2	x
		2.1.3	x
		2.1.4	x
	2.1.5	x	
	2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	2.2.1	
		2.2.2	x
		2.2.3	x
		2.2.4	x
		2.2.5	x
		2.2.6	x
		2.2.7	x
	2.3.Năng lực lãnh đạo	2.3.1	
2.3.2		x	
2.3.3			

	2.4.Năng lực giải quyết vấn đề	2.4.1		
		2.4.2		
		2.4.3	x	
		2.4.4	x	
		2.4.5	x	
		2.4.6		
	2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường	2.5.1	x	
		2.5.2	x	
		2.5.3	x	
	2.6.Năng lực phản biện	2.6.1	x	
		2.6.2	x	
		2.6.3	x	
	3. Năng lực sư phạm	3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non.	3.1.1	x
			3.1.2	x
			3.1.3	
3.1.4			x	
3.1.5			x	
3.1.6			x	
3.1.7				
3.1.8				
3.1.9				
3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục		3.2.1		
		3.2.2		
		3.2.3	x	
		3.2.4	x	
		3.2.5	x	
		3.2.6	x	
3.3.Năng lực định hướng	3.2.7	x		
	3.3.1	x		
	3.3.2	x		
		3.3.3	x	

4 Năng lực nghề nghiệp	3.4. Năng lực hoạt động xã hội	3.4.1	x	
		3.4.2	x	
		3.4.3	x	
	3.5 Năng lực phát triển nghề nghiệp	3.5.1	x	
		3.5.2	x	
		3.5.3	x	
		3.5.4	x	
	4.1. Năng lực khoa học GDMN	4.1.1	x	
		4.1.2		
		4.1.3		
		4.1.4		
		4.2.Năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn khoa học GDMN để giải thích Chương trình GDMN	4.2.1	x
			4.2.2	x
			4.2.3	x
		4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quát và khóa học ngành vào thực tiễn	4.3.1	x
4.3.2			x	
4.3.3			x	
4.3.4			x	
4.3.5				
4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học GDMN	4.4.1	x		
	4.4.2	x		
	4.4.3	x		
4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.1			
	4.5.2			
	4.5.3			
4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.6.1			
	4.6.2			
	4.6.3			

